

Số: **10** /2015 /TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **15** tháng **4** năm 2015

THÔNG TƯ
Quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong
hoạt động vận tải bằng xe ô tô

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, bao gồm:

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
4. Đơn vị kinh doanh bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ.
5. Người xếp hàng hóa, chủ hàng.
6. Đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình, đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình.
7. Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình là đơn vị tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, tổng hợp, phân tích và lưu trữ dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo hợp đồng với đơn vị kinh doanh vận tải.
2. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình là cơ sở sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình theo quy định.
3. Người xếp hàng hóa là tổ chức hoặc cá nhân thực hiện việc xếp hàng hóa trên xe ô tô tại các đầu mối hàng hóa, kho hàng, bến cảng, nhà ga, các khu công nghiệp, các mỏ vật liệu, mỏ khoáng sản.
4. Chủ hàng là tổ chức, cá nhân có hàng hóa được đơn vị vận tải thực hiện vận chuyển bằng xe ô tô.

Chương II TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC

Điều 4. Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Lập, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

2. Tổ chức triển khai, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn đầy đủ, kịp thời tới các Sở Giao thông vận tải việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến việc tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

3. Lập, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh; quản lý, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các Sở Giao thông vận tải thực hiện quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh; phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định vị trí và tổ chức hoạt động các điểm đón, trả khách tuyến cố định liên tỉnh trên các tuyến quốc lộ đang quản lý.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, tổ chức triển khai áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

5. Đầu tư, khai thác, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình để phục vụ quản lý nhà nước trong hoạt động vận tải đường bộ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

6. Đảm bảo tính liên tục, chính xác các thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình trên hệ thống thông tin khi cung cấp cho các cơ quan, đơn vị khai thác và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, dữ liệu cung cấp.

7. Quản lý theo thẩm quyền hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

8. Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam biên soạn, phát hành tài liệu, chương trình khung tập huấn nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và người điều hành vận tải tại các đơn vị kinh doanh vận tải; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tập huấn.

9. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sở Giao thông vận tải

1. Quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trên địa bàn địa phương và theo thẩm quyền.

2. Tổ chức triển khai, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn đầy đủ, kịp thời việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

có liên quan đến tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trên địa bàn.

3. Thực hiện việc niêm yết các thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt, mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi; vị trí các điểm đón, trả khách trên mạng lưới đường bộ thuộc địa bàn địa phương; các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách, đơn vị hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn; định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

5. Triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh do Bộ Giao thông vận tải công bố; công bố đưa vào khai thác điểm đón, trả khách tuyến cố định trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

6. Quy định về việc cho phép sử dụng xe trung chuyển hành khách và phạm vi, thời gian hoạt động của xe trung chuyển hành khách trên địa bàn địa phương; quản lý hoạt động của xe vận tải người nội bộ theo quy định.

7. Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Vận tải ô tô tại địa phương (nếu có) tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho người điều hành vận tải thuộc các đơn vị vận tải trên địa bàn địa phương theo quy định. Chỉ đạo, giám sát công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật cho đội ngũ lái xe kinh doanh vận tải, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định.

8. Kiểm tra, cập nhật, đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình do các đơn vị kinh doanh vận tải (hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình) truyền về Tổng cục Đường bộ Việt Nam; có trách nhiệm quản lý theo dõi, khai thác và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

9. Thanh tra, kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ đối với đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn. Yêu cầu đơn vị kinh doanh vận tải thuộc địa phương quản lý tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của lái xe.

10. Thực hiện theo dõi, đôn đốc báo cáo các nội dung liên quan về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định.

Điều 6. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt

1. Xây dựng hoặc áp dụng Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách; đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải hành khách trên tuyến với cơ quan quản lý có thẩm quyền; niêm yết các thông tin có liên quan về hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định.

2. Duy trì đủ số lượng phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo đúng phương án kinh doanh đã đăng ký của đơn vị.

3. Thực hiện đúng biểu đồ chạy xe theo phương án khai thác tuyến đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận.

4. Thực hiện tối thiểu 70% tổng số chuyến xe trên các tuyến vận tải hành khách cố định của đơn vị theo biểu đồ chạy xe đã được phê duyệt.

5. Thực hiện đúng quy định về việc ghi chép, quản lý và sử dụng, lưu trữ Lệnh vận chuyển.

6. Thực hiện đúng quy định về việc quản lý và sử dụng phù hiệu chạy xe, đảm bảo các phương tiện của đơn vị khi đưa vào khai thác phải được cấp phù hiệu và biển hiệu theo quy định.

7. Thực hiện đúng các quy định về việc đón, trả khách và các quy định về xếp hành lý, hàng hóa lên xe, chở đúng tải trọng quy định; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động vận tải theo quy định.

8. Tổ chức quản lý các điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận tải bảo đảm đầy đủ các nội dung sau:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng để đảm bảo các phương tiện phải được bảo dưỡng theo quy định;

b) Lập Hồ sơ lý lịch phương tiện hoặc phần mềm quản lý phương tiện của đơn vị để theo dõi quá trình hoạt động và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện theo quy định;

c) Xây dựng và áp dụng quy trình quản lý an toàn giao thông theo quy định.

9. Tổ chức quản lý lái xe, nhân viên phục vụ trên xe bảo đảm đầy đủ các nội dung sau:

a) Thực hiện ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe;

b) Lập và cập nhật đầy đủ các thông tin về quá trình làm việc của lái xe vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của đơn vị theo mẫu quy định;

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ vận tải, an toàn giao thông và tuyên truyền nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe;

d) Bố trí đủ số lượng lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án khai thác tuyến được chấp thuận; đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo quy định của Luật Giao thông đường bộ;

đ) Thực hiện tổ chức khám sức khỏe khi tuyển dụng, khám sức khỏe định kỳ cho lái xe và chỉ sử dụng lái xe có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế; không tuyển dụng, sử dụng lái xe có sử dụng chất ma túy.

10. Tổ chức và duy trì hoạt động của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định.

11. Thực hiện đúng các quy định về lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe bảo đảm các nội dung sau:

a) Lắp đặt, duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, đảm bảo truyền dẫn đầy đủ, chính xác, liên tục các thông tin bắt buộc theo quy định từ thiết bị giám sát hành trình của xe trong suốt quá trình phương tiện tham gia giao thông;

b) Cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin từ thiết bị giám sát hành trình theo quy định;

c) Lưu trữ có hệ thống các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của xe trong thời hạn tối thiểu 01 năm;

d) Không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi để can thiệp vào quá trình hoạt động của thiết bị giám sát hành trình.

12. Thực hiện đúng quy định về giao vé, chứng từ thu cước, hóa đơn, phí vận tải cho hành khách.

13. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; hàng tháng báo cáo Sở Giao thông vận tải nơi cấp

Giấy phép kinh doanh vận tải về việc xử lý những vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

14. Bố trí người điều hành vận tải đáp ứng đủ các điều kiện; tập huấn cho người điều hành vận tải theo quy định.

15. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và lưu trữ theo quy định.

Điều 7. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 6 của Thông tư này.

2. Thực hiện đúng quy định về lắp đặt và duy trì trạng thái hoạt động của đồng hồ tính cước, thiết bị in hóa đơn.

3. Thực hiện quy định về đăng ký biểu trưng (logo) trên các phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi của đơn vị.

Điều 8. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 6 của Thông tư này.

2. Không bán vé, xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức.

3. Đối với mỗi chuyến xe, đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được ký kết 01 hợp đồng vận chuyển với nội dung hợp đồng theo quy định.

4. Khi sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 10 hành khách trở lên để thực hiện hợp đồng vận chuyển thì trước khi thực hiện hợp đồng vận tải khách, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo tới Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh vận tải các thông tin về hợp đồng theo quy định.

Điều 9. Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 6 của Thông tư này.

2. Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ còn phải thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 6 của Thông tư này.

3. Bố trí phương tiện phù hợp với loại hàng hóa cần vận chuyển và khổ giới hạn của cầu, hầm, đường bộ trên toàn tuyến đường vận chuyển theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm của người vận tải về xếp hàng hóa lên xe ô tô theo quy định. Phổ biến cho lái xe việc chấp hành quy định của pháp luật về tải trọng và khổ giới hạn cho phép của phương tiện trong suốt quá trình tham gia giao thông.

5. Chịu trách nhiệm đối với tất cả các vi phạm về tải trọng, khổ giới hạn và các quy tắc xếp hàng hóa trên xe ô tô.

6. Cấp Giấy vận tải cho lái xe trước khi thực hiện hợp đồng vận tải.

7. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và lưu trữ theo quy định.

Điều 10. Đơn vị kinh doanh bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ

1. Đơn vị kinh doanh bến xe khách

a) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường;

b) Niêm yết các thông tin bắt buộc theo quy định;

c) Thực hiện việc ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo quy định trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải tại bến xe;

d) Thực hiện kiểm tra điều kiện an toàn giao thông và giải quyết cho xe ra, vào bến theo quy định;

đ) Không xếp quá số người, hành lý và hàng vượt quá trọng tải cho phép lên phương tiện;

e) Thực hiện đúng các quy định về quy chuẩn kỹ thuật về bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ theo quy định;

g) Xác nhận đầy đủ các thông tin trong Lệnh vận chuyển theo quy định;

h) Có trách nhiệm yêu cầu lái xe xác nhận và tổng hợp báo cáo Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện đăng ký kinh doanh vận tải trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình của xe không có thông tin trên hệ thống quản lý dữ liệu về thiết bị giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định.

i) Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng, tổng hợp những trường hợp không cho xe vận chuyển và tình hình an toàn giao thông tại bến xe, báo cáo Sở Giao thông vận tải theo quy định;

k) Báo cáo Sở Giao thông vận tải danh sách, chức vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chữ ký của những người được giao nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận vào lệnh vận chuyển theo quy định;

l) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và lưu trữ theo quy định.

2. Đơn vị kinh doanh bến xe hàng thực hiện đúng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, h, i và l khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị kinh doanh trạm dừng nghỉ

a) Cung cấp các dịch vụ miễn phí theo quy định;

b) Thực hiện đúng quy định tại điểm a, b, e, khoản 1 Điều này.

Điều 11. Người xếp hàng hóa lên xe ô tô, chủ hàng

1. Tổ chức thực hiện đúng các quy định về xếp hàng hóa lên xe ô tô theo quy định.

2. Thực hiện đúng cam kết về xếp hàng hóa đã ký với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Chủ hàng, người xếp hàng hóa lên xe ô tô phải thực hiện việc xác nhận việc xếp hàng vào Giấy vận tải theo quy định.

Điều 12. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình của xe, đơn vị cung cấp dịch vụ

1. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình của xe phải đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực để duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình có trách nhiệm:

a) Đầu tư, bảo trì trang thiết bị, phần mềm cung cấp và truyền dữ liệu theo quy định, đúng hợp đồng đã ký với đơn vị kinh doanh vận tải;

b) Cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình truyền về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không được sửa chữa hoặc làm sai lệch các thông tin, dữ liệu; đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu của các đơn vị kinh doanh vận tải do mình cung cấp dịch vụ;

c) Có phương án thay thế khi thiết bị giám sát hành trình của xe bị hỏng hoặc đang sửa chữa nhằm đảm bảo dữ liệu của phương tiện không bị gián đoạn

trong suốt quá trình hoạt động vận tải. Xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 31:2014/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô để đơn vị kinh doanh vận tải khai thác, quản lý phương tiện;

d) Kiểm tra tính ổn định của dữ liệu truyền về từ thiết bị giám sát hành trình của xe do đơn vị cung cấp dịch vụ.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN

Điều 13. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

3. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm và xử lý vi phạm theo quy định đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam khi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời trách nhiệm được giao trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 14. Giám đốc Sở Giao thông vận tải

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ tại địa phương theo quy định.

2. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo thẩm quyền.

3. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm và xử lý vi phạm theo quy định đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Sở Giao thông vận tải khi không thực hiện, thực hiện không đầy đủ và kịp thời trách nhiệm được giao trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 15. Người được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động vận tải đường bộ

1. Chịu trách nhiệm trước thủ trưởng trực tiếp, thủ trưởng cơ quan và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện đúng chức trách, thẩm quyền, nhiệm vụ được giao; đúng quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

3. Bảo đảm tính công khai, trung thực, khách quan; không tham nhũng, quan liêu; không gây khó khăn, phiền hà cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Có thái độ, hành vi ứng xử văn minh, lịch sự khi làm nhiệm vụ.

Điều 16. Người đại diện theo pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải, người xếp hàng hóa lên xe ô tô, chủ hàng

1. Tổ chức hoạt động vận tải hoặc cho phép vận chuyển hàng hóa theo đúng quy định.

2. Theo dõi, giám sát việc xếp hàng trên phương tiện đúng quy định; chịu trách nhiệm và bị xử lý khi vi phạm quy định về xếp hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Người đại diện theo pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) và trước pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị.

4. Người xếp hàng hóa lên xe ô tô chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) và trước pháp luật về hoạt động của mình.

Điều 17. Người được giao nhiệm vụ quản lý chất lượng dịch vụ và an toàn giao thông, người điều hành vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

1. Thực hiện các quy trình quản lý chất lượng dịch vụ vận tải và an toàn giao thông của đơn vị.

2. Thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng dịch vụ và bảo đảm an toàn giao thông trong vận tải đường bộ.

3. Kịp thời phát hiện, đề xuất với lãnh đạo đơn vị khắc phục các tồn tại trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ vận tải và an toàn giao thông.

4. Điều hành hoạt động vận tải của đơn vị và chịu trách nhiệm trước đơn vị kinh doanh vận tải về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định, nội quy, quy chế của đơn vị.

Điều 18. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, nhân viên xếp hàng hóa

1. Trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Thực hiện đúng Lệnh vận chuyển do doanh nghiệp, hợp tác xã cấp; đảm bảo an ninh, trật tự trên xe; đón, trả khách tại bến xe nơi đi, bến xe nơi đến, các điểm đón, trả khách và chạy đúng hành trình;

b) Không chở quá số người được phép chở và không vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô; hành lý, hàng hóa phải được xếp dàn đều trong khoang chở hành lý, đảm bảo không bị xô dịch trong quá trình vận chuyển; không được chở hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống;

c) Đảm bảo mọi hành khách trên xe đều có vé; hướng dẫn, sắp xếp cho hành khách ngồi đúng chỗ theo vé, phổ biến các quy định khi đi xe, giúp đỡ hành khách (đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai và trẻ em); có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự;

d) Chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông;

đ) Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách có hành vi gây rối trật tự công cộng, gây cản trở công việc của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, gian lận vé hoặc hành khách đang bị dịch bệnh nguy hiểm. Từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không có thiết bị giám sát hành trình hoặc có lắp thiết bị nhưng không hoạt động.

2. Trách nhiệm của nhân viên xếp hàng

a) Tiếp nhận các thông tin do người vận tải cung cấp để thực hiện việc xếp hàng hóa trên xe ô tô đúng quy định;

b) Xếp hàng hóa trên xe ô tô không vượt quá trọng tải cho phép chở của xe và tải trọng, khổ giới hạn của cầu, hầm, đường bộ trên toàn tuyến đường vận tải hàng hóa;

c) Che chắn, chằng buộc và chèn chống hàng hóa theo quy định và theo hướng dẫn của lái xe, người áp tải hàng hóa;

d) Chịu trách nhiệm khi vi phạm các quy định về xếp hàng hóa, trừ trường hợp chứng minh được những lỗi đó là do thực hiện theo yêu cầu của người vận tải hoặc do người vận tải cung cấp thông tin sai lệch.

Điều 19. Người đại diện theo pháp luật của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình, cung cấp dịch vụ, đơn vị kinh doanh bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ

1. Tổ chức cung cấp thiết bị giám sát hành trình, cung cấp dịch vụ, quản lý, khai thác bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) và trước pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị.

Điều 20. Cán bộ, nhân viên của đơn vị kinh doanh bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ

Thực hiện đúng các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn trong bến xe, trạm dừng nghỉ, thực hiện đúng quy định về quy trình xe ra, vào bến xe theo nhiệm vụ được giao.

Chương III XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ khi bị phát hiện lần đầu thì bị nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục; trường hợp không khắc phục theo đúng yêu cầu hoặc vi phạm từ lần thứ hai trở lên trong thời hạn 01 năm, kể từ khi vi phạm lần đầu thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục vi phạm của tổ chức, cá nhân phải bằng văn bản và nêu rõ hành vi vi phạm, thời hạn yêu cầu khắc phục vi phạm.

3. Các hình thức xử lý vi phạm quy định tại Thông tư này không thay thế cho các hình thức xử phạt vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu trích xuất từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện chỉ sử dụng 01 lần để tính lỗi vi phạm của đơn vị kinh doanh vận tải.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với đơn vị kinh doanh vận tải

1. Đình chỉ khai thác tuyến 01 tháng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 6 của Thông tư này;

b) Vi phạm quy định tại một trong các điểm của khoản 8, khoản 9, khoản 11 (trừ điểm b) và khoản 14 Điều 6 của Thông tư này;

c) Tổ chức đặt chỗ, bán vé dưới mọi hình thức trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;

d) Thực hiện dưới 70% số chuyến xe theo biểu đồ chạy xe trên tuyến đã được phê duyệt trong 01 tháng.

2. Đình chỉ khai thác tuyến 03 tháng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp sai lệch thông tin bắt buộc theo quy định từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện hoạt động trên tuyến; không cung cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào cơ sở dữ liệu thiết bị giám sát hành trình theo quy định;

b) Có từ 10% số lượng phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép từ 10% đến 50%.

3. Thu hồi phù hiệu, biển hiệu 06 tháng đối với xe ô tô kinh doanh vận tải, xe trung chuyển của đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 6 của Thông tư này khi sử dụng phù hiệu, biển hiệu không đúng quy định hoặc cố ý làm sai lệch các thông tin đã được ghi trên phù hiệu, biển hiệu đã cấp cho xe;

b) Chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép từ trên 50%;

c) Không chấp hành hướng dẫn, xử lý vi phạm của người thi hành công vụ.

4. Thu hồi phù hiệu, biển hiệu 01 tháng của phương tiện vi phạm đối với một trong các trường hợp sau:

a) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này hoặc hoạt động không có hợp đồng vận chuyển hoặc hợp đồng lữ hành, danh sách hành khách theo quy định hoặc ký hợp đồng vận chuyển hành khách không đúng quy định; bán vé hoặc xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức hoặc đón thêm hành khách ngoài danh sách; xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa hoạt động không có hợp đồng vận tải, Giấy vận tải theo quy định; xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe buýt, kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe trung chuyển của đơn vị kinh doanh vận tải chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép từ 10 - 50%;

b) Xe ô tô vận tải hàng hóa, xe ô tô vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ vi phạm một trong các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 của Thông tư này (trừ trường hợp cố ý làm sai lệch các thông tin đã được ghi trên phù hiệu, biển hiệu đã cấp cho xe hoặc trừ trường hợp vi phạm khoản 1, 11, 13, 14 và khoản 15 Điều 6);

c) Xe taxi vi phạm quy định tại Điều 7 của Thông tư này hoặc không có hợp đèn trên nóc xe hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định hoặc có gian lận trong việc tính tiền trên đồng hồ tính tiền; có gian lận trong việc in hóa đơn tính tiền (trừ trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 11, 13, 14 và khoản 15 Điều 6);

d) Xe vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch vi phạm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều 8 (trừ trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 11, 13, 14 và khoản 15 Điều 6);

đ) Xe taxi, xe buýt, xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch, xe ô tô vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ vi phạm quy định tại khoản 11 Điều 6 của Thông tư này hoặc không cung cấp hoặc cung cấp sai lệch thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của xe cho cơ quan quản lý có thẩm quyền;

e) Xe ô tô vận tải hành khách trên tuyến cố định, tham gia hoạt động vận tải nhưng vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư này;

g) Khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của mỗi phương tiện vận tải hành khách trên tuyến cố định, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe

taxi, vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ trong 01 tháng cho thấy có: từ 5% lượt xe trở lên trên tổng số lượt xe của phương tiện đó hoạt động người lái xe vi phạm hành trình hoặc có 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) hoặc có từ 10% số ngày xe hoạt động, người lái xe vi phạm quy định về thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc của lái xe trong ngày;

h) Xe ô tô vận tải hành khách trên tuyến cố định, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng, xe ô tô vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ trong 01 tháng liên tục có từ 03 lần bị xử lý vi phạm hành chính do chở hành khách, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải cho phép theo quy định hoặc do xếp hàng trên xe không theo quy định;

i) Xe ô tô vận tải vi phạm quy định về niêm yết các thông tin có liên quan theo quy định (không niêm yết hoặc niêm yết thiếu hoặc niêm yết không chính xác theo quy định hoặc sau 10 ngày, kể từ ngày có văn bản nhắc nhở những không niêm yết thông tin theo quy định);

k) Xe ô tô kinh doanh vận tải theo tuyến cố định không thực hiện đúng quy định tại khoản 12 Điều 6; xe trung chuyển hành khách tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp; xe vận tải nội bộ sử dụng với mục đích kinh doanh vận tải;

l) Trong thời gian phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu do vi phạm, sau 07 ngày, kể từ ngày ký Quyết định thu hồi, đơn vị phải có trách nhiệm nộp lại phù hiệu, biển hiệu về Sở Giao thông vận tải. Trường hợp không nộp hoặc kéo dài thời gian nộp phù hiệu, biển hiệu theo quy định, Sở Giao thông vận tải không cấp lại phù hiệu, biển hiệu cho phương tiện bị thu hồi trong thời hạn 06 tháng.

5. Đình chỉ hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải từ 01 tháng đến 03 tháng khi đơn vị để xảy ra các vi phạm sau:

a) Có 10% số lượng phương tiện vi phạm chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép trên 100% trong 01 tháng.

b) Thực hiện không đúng quy định tại một trong các khoản 10, 13, 14 Điều 6.

c) Có từ 10% phương tiện đưa vào khai thác khi chưa được cấp phù hiệu, biển hiệu.

Điều 23. Xử lý vi phạm đối với đơn vị khai thác bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ

1. Đơn vị khai thác bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ bị nhắc nhở bằng văn bản và phải khắc phục trong thời hạn tối đa là 10 ngày khi vi phạm quy định tại một trong các khoản của Điều 10 của Thông tư này.

2. Đơn vị khai thác bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ không khắc phục theo quy định tại khoản 1 Điều này đúng thời hạn hoặc tiếp tục vi phạm từ 4 điểm trở lên của Điều 10 trong thời hạn 01 năm thì bị Sở Giao thông vận tải công bố trên các kênh thông tin đại chúng danh sách khuyến cáo không sử dụng những bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô.

3. Trong thời hạn 01 năm, kể từ khi vi phạm lần đầu, đơn vị khai thác bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ tiếp tục không khắc phục theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc vi phạm toàn bộ các quy định của Điều 10 thì bị cơ quan có thẩm quyền đóng cửa bến xe và thu hồi quyết định công bố bến xe, trạm dừng nghỉ, bến xe hàng theo quy định.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với người xếp hàng hóa lên xe ô tô, chủ hàng

1. Người xếp hàng hóa lên xe ô tô, chủ hàng bị nhắc nhở bằng văn bản và phải khắc phục trong thời hạn tối đa là 10 ngày khi vi phạm quy định tại một trong các khoản của Điều 11 của Thông tư này.

2. Người xếp hàng hóa lên xe ô tô, chủ hàng không khắc phục vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này đúng thời hạn hoặc vi phạm toàn bộ các quy định của Điều 11 thì bị kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh ngành, nghề liên quan tới hoạt động xếp hàng hóa (trường hợp người xếp hàng có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) trong thời hạn từ 06 đến 12 tháng để khắc phục vi phạm.

Điều 25. Xử lý vi phạm đối với lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, cán bộ, nhân viên của bến xe khách, bến xe hàng, đơn vị kinh doanh vận tải.

Tùy theo hành vi, mức độ vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, cán bộ, nhân viên của bến xe khách, bến xe hàng, đơn vị kinh doanh vận tải bị xử lý như sau:

1. Xử lý vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

2. Xử lý kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của đơn vị.

Điều 26. Xử lý vi phạm đối với đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình, cung cấp dịch vụ

1. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tùy theo mức độ vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều 12 của Thông tư này sẽ bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản và phải khắc phục. Trong trường hợp không khắc phục bị thu hồi có thời hạn hoặc thu hồi vĩnh viễn Giấy chứng nhận hợp quy thiết bị giám sát hành trình.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ bị nhắc nhở bằng văn bản và phải khắc phục trong thời hạn tối đa là 5 ngày khi vi phạm quy định một trong các điểm của khoản 2 của Điều 12 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn 01 năm, kể từ khi vi phạm lần đầu, đơn vị cung cấp dịch vụ không khắc phục theo quy định tại khoản 1 Điều này đúng thời hạn hoặc vi phạm từ 03 nội dung quy định tại các khoản 1, 2 của Điều 12 thì bị công bố trên các kênh thông tin đại chúng và Cổng Thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải khuyến cáo đơn vị kinh doanh vận tải không sử dụng thiết bị giám sát hành trình hoặc không ký hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát hành trình đối với đơn vị vi phạm.

4. Trong thời hạn 01 năm, kể từ khi vi phạm lần đầu, đơn vị cung cấp dịch vụ tiếp tục không khắc phục theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc vi phạm toàn bộ các quy định của Điều 12 thì bị thu hồi giấy chứng nhận hợp quy theo quy định trong trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ cũng là đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình.

Điều 27. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, người đại diện vốn nhà nước, người đại diện theo pháp luật của đơn vị hoặc giám đốc, chủ nhiệm hợp tác xã, chủ đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

1. Tùy theo đối tượng và mức độ vi phạm, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hoặc người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước có liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ

vận tải đường bộ bị kiểm điểm xử lý theo Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn.

2. Sở Giao thông vận tải có văn bản và thông báo tới Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đơn vị đặt trụ sở tên đơn vị, họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của đơn vị vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị bị đình chỉ khai thác tuyến và thu hồi văn bản chấp thuận khai thác tuyến;

b) Đơn vị có số lượng phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu từ 20% trở lên trong 03 tháng.

Điều 28. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định xử lý vi phạm đối với Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các đối tượng khác theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xử lý vi phạm đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các đối tượng khác theo thẩm quyền.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

a) Quyết định xử lý vi phạm đối với Thủ trưởng cơ quan tham mưu về quản lý vận tải đường bộ của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và cán bộ, nhân viên khác thuộc quyền quản lý của Tổng cục;

b) Đình chỉ khai thác tuyến vận tải đường bộ quốc tế, thu hồi giấy phép liên vận, phù hiệu do mình cấp;

c) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về vi phạm của tổ chức, cá nhân để xử lý theo quy định.

4. Giám đốc Sở Giao thông vận tải:

a) Quyết định xử lý vi phạm đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ của Sở Giao thông vận tải và cán bộ, nhân viên khác thuộc quyền quản lý của Sở;

b) Thu hồi chấp thuận khai thác tuyến, thu hồi phù hiệu, biển hiệu do mình cấp;

c) Kiến nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền về vi phạm của cơ quan, tổ chức và cá nhân để xử lý theo quy định.

5. Trưởng Đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc người có thẩm quyền phải báo cáo kịp thời bằng văn bản về vi phạm của tổ chức, cá nhân với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo các quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

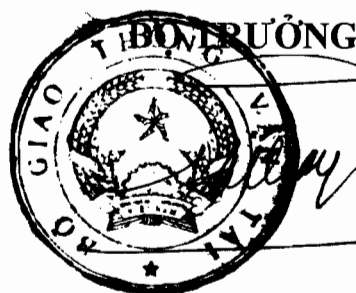
2. Bãi bỏ Thông tư số 55/2013/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 30;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài (Tr10b).



Đình La Thăng